

HỆ THỐNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 12 THEO TỪNG CHỦ ĐỀ

Chủ đề 1. VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

Câu 1. Xu thế lớn tác động đến nền kinh tế - xã hội nước ta trong thời đại ngày nay là

- A. phát triển nền kinh tế trí thức.
- B. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. phát triển công nghệ cao.
- D. toàn cầu hoá và khu vực hoá nền kinh tế.

Câu 2. WTO là tên viết tắt của tổ chức

- A. Thương mại thế giới.
- B. Quỹ tiền tệ quốc tế.
- C. Khu vực mậu dịch tự do châu Á.
- D. Diễn đàn hợp tác các kinh tế châu Á -Thái Bình Dương

Câu 3. Công cuộc Đổi mới của nước ta *không* diễn ra theo xu thế nào sau đây

- A. Phát triển nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.
- B. Dân chủ hoá đời sống kinh tế - xã hội.
- C. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN.
- D. Tăng cường giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới.

Câu 4. Những đổi mới đầu tiên ở nước ta được thực hiện trong lĩnh vực

- A. sản xuất nông nghiệp.
- B. sản xuất công nghiệp.
- C. giao thông vận tải.
- D. thông tin liên lạc.

Câu 5. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào thời gian là

- A. ngày 28 tháng 7 năm 1995.
- B. ngày 27 tháng 8 năm 1995.
- C. ngày 27 tháng 8 năm 1997.
- D. Ngày 30 tháng 4 năm 1999.

Câu 6. Khi tham gia Tổ chức thương mại thế giới, Việt Nam là thành viên thứ

- A. 148.
- B. 149.
- C. 150.
- D. 151.

Câu 7. Công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế nước ta được bắt đầu từ năm

- A. năm 1985
- B. năm 1986
- C. năm 1987
- D. năm 1988

Câu 8. Công cuộc Đổi mới của nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và vững chắc là do

- A. trong thời gian tiến hành Đổi mới nước ta ít gặp phải các thiên tai.
- B. các nguồn lực trong và ngoài nước được phát huy một cách cao độ.
- C. nước ta có nhiều tiền đề kinh tế quan trọng từ các giai đoạn trước.
- D. nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình các nước bè bạn trên thế giới.

Câu 9. Những thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở nước ta là

- A. các ngành kinh tế phát triển nhanh.
- B. cơ cấu kinh tế ngày càng cân đối, hợp lí hơn.
- C. đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.
- D. tất cả các ý trên.

Câu 10. Đường lối Đổi mới ở nước ta được khẳng định từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ

- A. IV.
- B. V.
- C. VI.
- D. VII.

Câu 11. Tính trung bình trong giai đoạn 1987 - 2004, tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta đạt khoảng

- A. 3,4%.
- B. 5,0%.
- C. 5,8%.
- D. 6,9%.

Câu 12. Trong giai đoạn 1987 - 2004, tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta trong khu vực Đông Nam Á chỉ đứng sau

- A. Thái Lan.
- B. Xin-ga-po.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta giai đoạn hiện nay

- A. cơ cấu kinh tế có chuyển dịch theo hướng CNH - HĐH.
- B. khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỉ trọng lớn nhất nhưng đang có xu hướng giảm.
- C. tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng tăng nhanh nhất trong cơ cấu GDP.
- D. tỉ trọng ngành dịch vụ đứng thứ 2 trong cơ cấu GDP cả nước.

Câu 14. Năm 2004, tỉ lệ nghèo chung của nước ta là

- A. 37,4%.
- B. 28,9%.
- C. 19,5%.
- D. 15,0%.

Câu 15. Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ vào năm

- A. 1994.
- B. 1995.
- C. 1996.
- D. 1998.

Câu 16. Việt Nam *không phải* là thành viên của tổ chức nào dưới đây

- A. ASEAN.
- B. APEC.
- C. UN.
- D. NAFTA.

Câu 17. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất nhập khẩu ở nước ta giai đoạn 1986 - 2005 đạt khoảng

- A. 10,0%.
- B. 13,0%.
- C. 16,0%.
- D. 17,9%.

Câu 18. Mặt hàng nào sau đây *không thuộc* nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam

- A. dệt may.
- B. nông sản.
- C. tiểu thủ công nghiệp.
- D. Thủy sản.

Câu 19. Thành tựu kinh tế nào được đánh giá là to lớn nhất ở nước ta sau 20 năm Đổi mới

- A. cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng CNH - HĐH.

- B. kinh tế tăng trưởng liên tục.
- C. sự phân hoá giàu nghèo có xu hướng giảm.
- D. kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất - kĩ thuật phát triển mạnh.

Câu 20. Thành tựu to lớn nhất trong việc thực hiện chiến lược hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới của Việt Nam là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh theo hướng CNH - HĐH.
- B. đạt được thành tựu to lớn trong việc xoá đói, giảm nghèo
- C. giảm dần sự chênh lệch về kinh tế giữa các vùng lãnh thổ.
- D. mở rộng quan hệ quốc tế, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Chủ đề 2. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ

Câu 21. So với trên 200 quốc gia trên thế giới diện tích Việt Nam xếp ở vị trí

- A. thứ 38.
- B. thứ 58.
- C. thứ 48.
- D. thứ 68.

Câu 22. Đặc điểm *không* đúng với vị trí địa lý nước ta là

- A. nằm hoàn toàn trong vùng nội tuyến.
- B. nằm ở phần đông bán đảo Đông Dương.
- C. trong khu vực phát triển kinh tế sôi động của thế giới.
- D. nằm ở trung tâm các vành đai động đất và sóng thần trên thế giới.

Câu 23. Quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam cả trên biển và đất liền là

- A. Trung Quốc.
- B. Thái Lan.
- C. Campuchia.
- D. Lào.

Câu 24. Điểm cực Bắc trên đất liền của nước ta nằm ở vĩ độ

- A. 23°23' B.
- B. 22°23' B.
- C. 23°27' B.
- D. 22°27' B.

Câu 25. Điểm cực Nam trên đất liền của nước ta nằm ở vĩ độ

- A. 8°30' B
- B. 8°32' B
- C. 8°34' B
- D. 8°36' B

Câu 26. Điểm cực Đông trên đất liền của nước ta nằm ở kinh độ

- A. 108°22' Đ
- B. 108°24' Đ
- C. 109°22' Đ
- D. 109°24' Đ

Câu 27. Điểm cực Tây trên đất liền của nước ta nằm ở kinh độ

- A. 100°10' Đ
- B. 101°10' Đ
- C. 102°10' Đ
- D. 103°10' Đ

Câu 28. Khoảng cách vĩ độ giữa điểm cực Bắc và cực Nam trên đất liền của nước ta là

- A. 13°40'
- B. 15°49'
- C. 14°49'
- D. 14°39'

Câu 29. Khoảng cách kinh độ giữa điểm cực Đông và cực Tây trên đất liền của nước ta là

A. 7⁰14' B. 10⁰18'

C. 12⁰19' D. 7⁰29'

Câu 30. Về mặt vĩ độ, nước ta kéo dài khoảng

A. 10 vĩ độ. B. 15 vĩ độ.

C. 18 vĩ độ. D. 20 vĩ độ.

Câu 31. Điểm cực Đông của nước ta thuộc tỉnh

A. Phú Yên. B. Khánh Hòa.

C. Bà Rịa - Vũng Tàu. D. Bình Thuận.

Câu 32. Điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh

A. Hà Giang. B. Lạng Sơn.

C. Lào Cai. D. Cao Bằng.

Câu 33. Điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh

A. Lào Cai. B. Sơn La.

C. Điện Biên. D. Lai Châu

Câu 34. Quốc gia không có chung đường biên giới với Việt Nam là

A. Trung Quốc. B. Campuchia.

C. Lào. D. Mianma.

Câu 35. Trên đất liền, lãnh thổ nước ta tiếp giáp với các quốc gia:

A. Thái Lan, Lào, Mianma.

B. Lào, Campuchia, Thái Lan.

C. Trung Quốc, Lào, Campuchia.

D. Trung Quốc, Thái Lan, Mianma.

Câu 36. Về mặt lãnh thổ, Việt Nam gắn liền với lục địa

A. Á - Âu. B. Á - Âu.

C. Á - Úc. D. Trung Quốc - Nam Á.

Câu 37. Số tỉnh của nước ta giáp với Trung Quốc là

A. 5 tỉnh. B. 6 tỉnh.

C. 7 tỉnh. D. 8 tỉnh.

Câu 38. Cửa khẩu quốc tế nằm ở ngã ba biên giới giữa Việt Nam - Lào - Campuchia là

A. Lệ Thanh. B. Bờ Y.

C. Tây Trang. D. Lao Bảo.

Câu 39. Trên bản đồ thế giới Việt Nam nằm ở

A. rìa đông bán đảo Đông Dương, ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.

B. rìa Nam lục địa Á - Âu, giáp biển Đông rộng lớn.

C. nằm ở khu vực châu Á gió mùa, trong năm có một lần mặt trời lên thiên đỉnh.

D. nằm ở phía nam châu Á, tiếp giáp với 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Câu 40. Lãnh thổ Việt Nam nằm chủ yếu trong khu vực khí hậu

A. cận nhiệt gió mùa. B. nhiệt đới gió mùa.

C. ôn đới gió mùa. D. nhiệt đới, cận xích đạo.

Câu 41. Được coi như phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta là vùng

A. lãnh hải. B. đặc quyền kinh tế.

C. nội thủy. D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 42. Được coi như đường biên giới trên biển của nước ta là

A. đường cơ sở.

B. ranh giới giữa vùng lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải.

C. ranh giới giữa các vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế.

D. ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 43. Bộ phận lãnh thổ có diện tích lớn nhất thuộc vùng biển nước ta là

A. nội thủy. B. lãnh hải.

C. tiếp giáp lãnh hải. D. đặc quyền kinh tế.

Câu 44. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển là

A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải.

C. nội thủy. D. đặc quyền kinh tế.

Câu 45. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* về vùng nội thủy của nước ta

A. là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

B. là cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải của nước ta.

C. được tính từ mép nước thủy triều thấp nhất đến đường cơ sở.

D. vùng nội thủy được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.

Câu 46. Theo qui định của Luật biển quốc tế, ở một quốc gia đường cơ sở là cơ sở để tính phạm vi vùng biển

A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải.

C. thềm lục địa. D. Tất cả các ý trên.

Câu 47. Đường cơ sở của nước ta được xác định dựa theo

A. mực nước lên xuống trung bình của thủy triều.

B. mép nước thủy triều đến độ sâu 10 m.

C. độ sâu của thềm lục địa.

D. các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.

Câu 48. Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư,... là

A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải.

C. vùng đặc quyền về kinh tế. D. thềm lục địa.

Câu 49. Nhận định nào không đúng về lãnh hải nước ta

A. Là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.

B. Có chiều rộng 12 hải lí, song song cách đều đường cơ sở.

C. Có độ sâu khoảng 200 m.

D. Được coi là là đường biên giới quốc gia trên biển.